

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ;

Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Thủy sản;

Chuyên ngành: Kỹ thuật khai thác thủy sản

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. **Họ và tên người đăng ký:** Nguyễn Trọng Lương

2. **Ngày tháng năm sinh:** 10/5/1980; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. **Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

4. **Quê quán:** Xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

5. **Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** Số 77/86 đường Nguyễn ChíCh, Vĩnh Hòa, Nha Trang, Khánh Hòa.

6. **Địa chỉ liên hệ:** Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang, Số 2 Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang, Khánh Hòa.

Điện thoại di động: 0984 150 656; E-mail: luongnt@ntu.edu.vn

7. **Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):**

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Công việc, chức vụ, cơ quan
9/2004 – 7/2007	Giảng viên, Bộ môn Khai thác Thủy sản, Khoa Khai thác - Hàng hải, Trường Đại học Nha Trang
6/2007 – 7/2009	Học Thạc sĩ ngành Kinh tế quản lý nghề cá và nuôi trồng thủy

	sản; Trường Đại học Nha Trang, hệ tập trung (chương trình hợp tác giữa Trường Đại học Nha Trang và Trường Đại học Tromso, Na Uy)
8/2009 – 10/2011	Giảng viên, Bộ môn Khai thác Thủy sản, Khoa Khai thác Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang.
10/2011	Giảng viên, Bộ môn Khai thác Thủy sản, Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang.
10/2012 – 10/2018	Nghiên cứu sinh ngành Khai thác Thủy sản tại Trường Đại học Nha Trang, hệ không tập trung.
11/2017 – 6/2022	- Phó Viện trưởng, Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang. - Tháng 2/2020 được bổ nhiệm giảng viên chính – Hạng 2.
7/2022 – Nay	Viện trưởng, Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang.

- Chức vụ hiện nay: Viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng
- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Nha Trang, Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Địa chỉ cơ quan: Số 2, Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Điện thoại cơ quan: 02583831149
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- **Được cấp bằng ĐH** ngày 06 tháng 01 năm 2004; số văn bằng: 460347 (số vào sổ: 13171); ngành: Hàng hải, chuyên ngành: Khai thác – Hàng hải Thủy sản; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Thủy sản (nay là Trường Đại học Nha Trang), Việt Nam.
- **Được cấp bằng ThS** ngày 23 tháng 7 năm 2009, ngành: Kinh tế quản lý nghề cá và nuôi trồng thủy sản (Fisheries and aquaculture management and economics), chuyên ngành: ...; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Tromso, Vương quốc Na Uy.
- **Được cấp bằng TS** ngày 22 tháng 3 năm 2019; số văn bằng: 008854 (số vào sổ: 03/TS/19); ngành: Khai thác Thủy sản, chuyên ngành:...; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Nha Trang, Việt Nam.

- **Được cấp bằng TSKH** ngày ... tháng ... năm ...; số văn bằng: ...; ngành: ...; chuyên ngành: ...; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): Không

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Nha Trang.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi – Thú y – Thủy sản

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu chính là **giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản**, trong đó chia thành 2 nhánh như sau:

- Nhánh nghiên cứu 1: *Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác thủy sản.*

- Nhánh nghiên cứu 2: *Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản.*

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **0** NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn **11** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành **04** đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên; trong đó, 03 đề tài cấp tỉnh và 01 dự án SXTN cấp tỉnh);

- Đã công bố **44** bài báo KH (trong đó, **12** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín) và **04** báo cáo khoa học (02 bài Hội thảo quốc tế, 02 bài Hội thảo quốc gia);

- Đã được cấp **0** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: **03** (**01** giáo trình, **02** tài liệu tham khảo), cả 03 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín (NXB Nông nghiệp và NXB Khoa học và kỹ thuật).

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **0**.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Nội dung và hình thức khen thưởng	Cấp quyết định
2016	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2015-2016 (QĐ số 898/QĐ-ĐHNT ngày 20/10/2016)	Trường ĐH Nha Trang
2017	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2016-2017 (QĐ số 1140/QĐ-ĐHNT ngày 09/11/2017)	Trường ĐH Nha Trang

2018	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2017-2018 (QĐ số 1237/QĐ-ĐHNT ngày 15/10/2018)	Trường ĐH Nha Trang
2018	Bằng khen - Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác từ năm học 2016-2017 đến năm học 2017-2018 (QĐ số 5044/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2018)	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2019	Bằng khen - Đã có nhiều đóng góp trong các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực thủy sản, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam những năm qua (QĐ số 2191/QĐ-UBND ngày 05/7/2019)	Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam
2020	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2019-2020 (QĐ số 1447/QĐ-ĐHNT ngày 26/11/2020)	Trường ĐH Nha Trang
2021	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang năm học 2020-2021: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021 (QĐ số 1422/QĐ-ĐHNT ngày 29/12/2021)	Trường ĐH Nha Trang
2022	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021-2022 (QĐ số 1424/QĐ-ĐHNT ngày 19/10/2022)	Trường ĐH Nha Trang

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a) Về hoạt động đào tạo:

Trong 19 năm công tác tại Trường Đại học Nha Trang, ứng viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành; tích cực nghiên cứu, học tập nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy, gắn lý thuyết với thực tiễn sản xuất, gắn đào tạo chuyên môn với bồi dưỡng các kỹ năng mềm cho người học (thuyết trình, phản biện, thích ứng, làm việc nhóm, v.v.). Trong các bài giảng lên lớp, ngoài kiến thức chuyên môn ứng viên còn hỗ trợ người học phát triển năng lực ngoại ngữ, tin học; tìm kiếm nguồn tài liệu có chất lượng tốt, tổng hợp và phân tích tài liệu phục vụ học tập và nâng cao năng lực chuyên môn. Là một giảng viên, ứng viên đã tham gia vào xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo đại học và sau đại học, tự đánh giá chương trình đào tạo, trong đó:

Bậc đại học: Trưởng ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khai thác Thủy sản, Ủy viên thư ký và Phó chủ tịch hội đồng tự đánh giá chương trình

đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý Thủy sản, Ủy viên tiểu ban liên ngành đào tạo trình độ đại học nhóm ngành Thủy sản, Ủy viên ban thư ký hội đồng phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang, Ủy viên hội đồng xây dựng hồ sơ mở ngành Khoa học Thủy sản trình độ đại học.

Bậc cao học: Ủy viên thư ký ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khai thác Thủy sản và ngành Quản lý Thủy sản, Thư ký ban liên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ nhóm ngành Thủy sản.

Bậc tiến sĩ: Ủy viên thư ký ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Khai thác Thủy sản.

Sau 19 năm công tác, ứng đã hướng dẫn 11 học viên cao học bảo vệ thành công đề tài luận văn thạc sĩ (HD chính 9 học viên, HD phụ 2 học viên) và hướng dẫn nhiều sinh viên bảo vệ thành công đề án tốt nghiệp đại học, tham gia biên soạn 01 giáo trình và 02 tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo trình độ đại học và sau đại học.

b) Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Là một giảng viên, ngoài công tác đào tạo, ứng viên đã tích cực đề xuất các ý tưởng nghiên cứu mới và đã phát triển thành các đề tài nghiên cứu khoa học, có khả năng ứng dụng vào thực tiễn. Với cương vị là chủ nhiệm, ứng viên đã hoàn thành 03 đề tài khoa học cấp tỉnh, 01 dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; tham gia với tư cách là thư ký khoa học, thành viên chính nhiều đề tài các cấp; hướng dẫn 11 học viên cao học bảo vệ thành công đề tài luận văn thạc sĩ; công bố được 48 bài báo và báo cáo khoa học, trong đó có 12 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín. Các đề tài, dự án khoa học công nghệ và các công trình công bố tập trung vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn sản xuất, nhiều kết quả nghiên cứu đã được áp dụng vào thực tiễn nghề cá, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại các địa phương ven biển (Quảng Nam, Khánh Hòa, Ninh Thuận); đã được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam tặng Bằng khen - Đã có nhiều đóng góp trong các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực thủy sản, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam những năm qua (QĐ số 2191/QĐ-UBND ngày 05/7/2019). Kết quả thực hiện các đề tài không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ các địa phương phát triển kinh tế xã hội mà còn giúp cập nhật thông tin khoa học, công nghệ vào bài giảng phục vụ công tác đào tạo; hỗ trợ học viên và sinh viên phát triển năng lực nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, ứng viên còn tham gia tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học tại Trường Đại học Nha Trang, Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác Thủy sản để các giảng viên, nhà khoa học chia sẻ thông tin, kết quả nghiên cứu; tham gia phản biện bài báo khoa học, hỗ trợ phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên trẻ.

c) Về hoạt động phục vụ cộng đồng:

Ứng viên luôn tích cực tham gia vào các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện tại

các địa phương ven biển, miền núi có điều kiện kinh tế khó khăn. Các hoạt động tập trung vào tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khai thác thủy sản có trách nhiệm và gắn với công tác bảo vệ chủ quyền biển, hải đảo của Việt Nam; Tập huấn thuyền trưởng tàu cá và ngư dân sử dụng thiết bị hiện đại trong hoạt động khai thác thủy sản như máy dò cá, máy khai thác, hệ thống đèn LED nhằm tiết kiệm nhiên liệu; cùng với tập thể Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác thủy sản tổ chức tặng quà cho người yếu thế tại các địa bàn khó khăn, thăm hỏi động viên gia đình sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; tích cực vận động kinh phí từ các doanh nghiệp và cựu sinh viên để trao tặng học bổng và học phí cho sinh viên nghèo, sinh viên con em của ngư dân và nông dân.

Tóm lại, cá nhân nhận thấy mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn nhà giáo về đạo đức, nghiệp vụ và chuyên môn; hoàn thành tốt các nhiệm vụ của nhà giáo: Đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; kết quả đánh giá viên chức từ năm học 2015-2016 đến năm học 2021-2022: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 19 năm (bao gồm cả tập sự giảng dạy, trợ giảng và học cao học).
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ như sau:

T T	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/ Số giờ quy đổi /Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018	0	0	0	5	353	0	353/445/216
2	2018-2019	0	0	0	3	179	0	179/229/162
3	2019-2020	0	0	0	2	56	167	223/263/108
3 năm học cuối								
4	2020-2021	0	0	5	2	45	270	315/555/176
5	2021-2022	0	0	0	1	135	144	279/299/176
6	2022-2023	0	0	4	0	163	72	235/539/154

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH; Tại nước: Việt Nam; Từ năm 1999 đến năm 2003
- Bảo vệ luận văn ThS (bằng tiếng Anh); Tại nước: Việt Nam, năm 2007-2009

(Chương trình hợp tác giữa Trường Đại học Nha Trang và Đại học Tromso, Vương quốc Na Uy; học tập, viết luận văn thạc sĩ và bảo vệ luận văn bằng tiếng Anh, Đại học Tromso cấp bằng Thạc sĩ).

- Bảo vệ luận án TS; Tại nước: Việt Nam; Năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ... số bằng: ...; năm cấp: ...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Không

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Không

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ IELTS

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

T T	Họ tên NCS hoặc HVCH/C K2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH /CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Mạnh Hùng		x		x	8/2014 - 11/2015	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 1230/QĐ-ĐHNT, 30/12/2015 Số hiệu: A133415
2	Võ Văn Long		x		x	01/2015 - 10/2015	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 1230/QĐ-ĐHNT, 30/12/2015 Số hiệu: A133416
3	Nguyễn Văn Vũ		x	x		10/2020 - 8/2021	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 1009/QĐ-ĐHNT, 28/9/2021 Số hiệu: M000754
4	Trần Thanh Bình		x	x		11/2020 - 7/2021	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 1009/QĐ-ĐHNT, 28/9/2021 Số hiệu: M000755
5	Lê Văn Thảo		x	x		11/2020 - 7/2021	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 1009/QĐ-ĐHNT, 28/9/2021 Số hiệu: M000760
6	Bùi Văn Thọ		x	x		11/2020 - 7/2021	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 1009/QĐ-ĐHNT, 28/9/2021 Số hiệu: M000762

7	Trần Hoàng Tuấn		x	x		11/2020 - 7/2021	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 1009/QĐ-ĐHNT, 28/9/2021 Số hiệu: M000764
8	Quách Văn Chứ		x	x		12/2021 - 7/2022	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 1438/QĐ-ĐHNT, 24/10/2022 Số hiệu: M000941
9	Nguyễn Thị Mỹ Dung		x	x		12/2021 - 7/2022	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 1708/QĐ-ĐHNT, 30/12/2022 Số hiệu: M001001
10	Huỳnh Văn Đăng		x	x		12/2021 - 7/2022	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 1708/QĐ-ĐHNT, 30/12/2022 Số hiệu: M001002
11	Phan Thị Vân		x	x		9/2021/ 6/2022	Trường Đại học Nha Trang	QĐ số 1708/QĐ-ĐHNT, 30/12/2022 Số hiệu: M001011

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I. Trước khi được công nhận TS							
1	Khai thác hải sản bằng nghề lưới vây	GT	NXB Khoa học và Kỹ thuật, QĐXB số 160/QĐ-NXBKHKT ngày 02/11/2016 ISBN: 978-604-67-0754-7	4	Trần Đức Phú	Chương 2, 52-81	QĐ số 731/QĐ - ĐHNT ngày 9/9/2016
2	Nghề câu vàng khai thác mực	TK	NXB Nông nghiệp, QĐXB số 029/QĐ-CNNXBNN ngày 23/8/2017 ISBN: 978-604-60-2532-0	4	Hoàng Văn Tính	Chương 4, 44-91	QĐ số 489/QĐ-ĐHNT ngày 24/6/2016

II. Sau khi được công nhận TS							
3	Nghề lưới rê hỗn hợp	TK	NXB Nông nghiệp, QĐXB số 07/QĐ-CNNXBNN ngày 16/3/2021, ISBN: 978-604-60-3317-2	3	Nguyễn Trọng Thảo	Chương 3, 51-117	QĐ số 895/QĐ – ĐHNT ngày 12/8/2019

Lưu ý: Các chữ viết tắt: GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

T	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN /PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) /Kết quả
I. Trước khi công nhận TS					
1	ĐT: Nghiên cứu xây dựng bãi cá nhân tạo tại Ninh Thuận nhằm bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản	CN	HĐ số 03/HĐ-SKH-CN ngày 25/7/2011, Tỉnh Ninh Thuận	07/2011 – 6/2013	Biên bản nghiệm thu, 13/6/2014 Xếp loại: Khá
2	ĐT: Nghiên cứu xây dựng mô hình chà - rạn nhân tạo nhằm khai thác bền vững và bảo vệ NLTS ven bờ tỉnh Quảng Nam	CN	HĐ số 18/HĐ-SKH-CN ngày 10/6/2013, Tỉnh Quảng Nam	6/2013 - 2/2015	Biên bản nghiệm thu, 08/4/2015 Xếp loại: Khá
3	ĐT: Nghiên cứu thử nghiệm ngư cụ khai thác mực bằng câu vàng	TK	HĐ số 07/HĐ-SKH-CN ngày 22/3/2013, Tỉnh Bến Tre	3/2013 - 8/2014	Biên bản nghiệm thu, 17/3/2015 Xếp loại: Khá
4	ĐT: Nghiên cứu ứng dụng đèn LED cho nghề lưới vây xa bờ tại tỉnh Ninh Thuận.	TK	HĐ số 12/HĐ-SKH-CN ngày 15/7/2013, Tỉnh Ninh Thuận	7/2013 - 12/2014	Biên bản nghiệm thu, 20/3/2015 Xếp loại: Khá
5	DA SXTN: Hoàn thiện và chuyển giao công nghệ khai thác mực bằng câu vàng tầng đáy vùng ven biển Khánh Hòa	CN	HĐ số 762/HĐ-KHCN ngày 26/8/2014, Tỉnh Khánh Hòa	8/2014 - 2/2016	Biên bản nghiệm thu, 27/4/2016 Xếp loại: Đạt

II. Sau khi công nhận TS					
6	ĐT: Nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học và giải pháp khai thác hợp lý, bảo vệ nguồn lợi hải sản vùng biển Quảng Nam và lân cận.	TK	HĐ số: 30/16 – ĐTDL.CN - XHTN ngày 04/10/2016, Bộ KH&CN	10/2016 – 9/2019	QĐ số 273/QĐ-BKHHCN ngày 17/2/2020 Xếp loại: Đạt
7	ĐT: Công nghệ khai thác cá ngừ đại dương (công nghệ câu cá ngừ và công nghệ bảo quản cá ngừ)	CN	HĐ số 982/HĐ-SKHHCN ngày 7/9/2017 Tỉnh Khánh Hòa	9/2017 - 9/2019	Biên bản nghiệm thu, 04/3/2020 Xếp loại: Đạt

Lưu ý: Các chữ viết tắt: ĐT: Đề tài; DA SXTN: Dự án sản xuất thử nghiệm; CN: Chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế).

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học /ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I	Trước khi công nhận TS							
1	Economic performance indicators for coastal fisheries - The case of pure-seining in Cam Ranh and Nha Trang	1	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252		3	4, 58-63	2009
2	Đo lường hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho các tàu nghề lưới vây cá com hoạt động ven bờ tại TX Cam Ranh, Khánh Hòa	2	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252		3	3, 66-73	2010

3	Thực trạng nghề lưới kéo ven bờ tỉnh Khánh Hòa	3	Không	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			1, 69-76	2011
4	So sánh hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nghề lưới vây cá com tại Cam Ranh và Nha Trang	2	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			1, 60-64	2012
5	Hiệu quả khai thác thủy sản của nghề lồng bẫy cải tiến tại Ninh Thuận	4	Không	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			2, 59-64	2012
6	Nghiên cứu cải tiến lồng bẫy để nâng cao hiệu quả đánh bắt và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại tỉnh Ninh Thuận	2	Không	Tuyển tập hội nghị khoa học trẻ ngành thủy sản toàn quốc lần thứ III. Tp Huế, 24-25/3/2012			552-562	2012
7	Thực trạng và giải pháp khai thác tôm hùm giống tại vịnh Nha Trang	2	Không	Tuyển tập hội nghị khoa học trẻ ngành thủy sản toàn quốc lần thứ III. Tp Huế, 24-25/3/2012			573-581	2012
8	Impact of the EC Regulation No.1005/2008 on Tuna Longline Fisheries in Vietnam	3	Không	Fish for the People ISSN:1685-6546	Tạp chí quốc tế	4	11(1), 34-41	2013

9	Appropriate fishing depths for squid longline fishery in the gulf of Tonkin, Vietnam.	4	Không	Fish for the People ISSN:1685-6546	Tạp chí quốc tế	6	11(3), 29-32	2013
10	Giải pháp khai thác hợp lý nguồn lợi tôm hùm giống tại Vịnh Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	5	Không	Nghề cá sông Cửu Long ISSN: 1859-1159			1, 143-151	2013
11	Ứng dụng rạn nhân tạo trong bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	1	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			3, 190-195	2013
12	Giải pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản bằng chà kết hợp rạn nhân tạo tại huyện Núi Thành, Quảng Nam	4	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			4, 46-53	2015
13	Hiệu quả của mô hình chà kết hợp rạn nhân tạo nhằm phục hồi nguồn lợi thủy sản ven bờ huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	3	Có	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ISSN: 1859-4581			12, 103-111	2015
14	Thực trạng ngư cụ hoạt động khai thác thủy sản tại đầm Nại, tỉnh Ninh Thuận	3	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			3, 49-56	2017
15	Nghiên cứu sản lượng của các nghề khai thác thủy sản tại đầm Nại, tỉnh Ninh Thuận	3	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			4, 56-63	2017

16	Protect and enhance the resources by using artificial reef at coastal areas in central of Vietnam	4	Không	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			4, 44-52	2018
17	Research on the fitness between the mesh size and the length of threadfin bream (<i>nemipterus sp.</i>) in stow net fishery	2	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			4, 93- 101	2018
II Sau khi công nhận TS								
18	Artificial coral reefs restore coastal natural resources	5	Không	International Journal of Fisheries and Aquatic Studies P-ISSN: 2394-0506 E-ISSN: 2347-5129	Tạp chí quốc tế	1 (https://www.fisheriesjournal.com/archives/?year=2019&vol=7&issue=3&part=B&ArticleId=1880)	7 (3), 128- 133	2019
19	Đánh giá khả năng chọn lọc của nghề lưới đáy khai thác tôm rảo (<i>metapena-eus ensis</i>) khi sử dụng đọt lưới mắt lưới hình thoi và tấm lọc mắt lưới hình vuông	2	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			1, 49-56	2019
20	Xác định cường lực và sản lượng khai thác bền vững tối đa nguồn lợi thủy sản tại đầm Nại, tỉnh Ninh Thuận	2	Không	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			1, 66-72	2019

21	Hiện trạng khai thác cá ngừ đại dương trên tàu câu tay kết hợp ánh sáng tại Khánh Hòa	2	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			4, 189- 196	2019
22	Nghiên cứu ứng dụng máy tạo xung cho nghề câu tay cá ngừ kết hợp ánh sáng	3	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			4, 197- 204	2019
23	Effects of the trap entrance designs on the catch efficiency of swimming crab <i>Charybdis feriata</i> fishery	4	Có	Fisheries Research ISSN: 1657836	SCIE (IF = 2.422), SCOPUS (Q1)	13 (https://doi.org/10.1016/j.fishres.2020.105730)	232, 1057 30	2020
24	Ảnh hưởng của xâm nhập mặn và thời tiết cực đoan đến hoạt động ương - nuôi cá tra tại Sóc Trăng	3	Không	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			4, 02-9	2020
25	Đánh giá hiệu quả khai thác của đội tàu câu cá ngừ đại dương tỉnh Khánh Hòa	3	Có	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ISSN: 1859-4581			10, 126- 133	2020
26	Use of light-emitting diode (LED) lamps in combination with metal halide (MH) lamps reduce fuel consumption in the Vietnamese purse seine fishery	5	Không	Aquaculture and Fisheries ISSN: 20961758, 2468550X	SCOPUS (Q1); H-index: 19, Scite Score: 5.5	21 (https://doi.org/10.1016/j.aaf.2020.07.011)	6(4), 432- 440	2021

27	Length-weight relationships of yellowfin and bigeye tuna from the South China Sea	8	Không	Journal of Survey in Fisheries Sciences ISSN: 2368-7487	SCOPUS (Q3); H-index: 4	1 (https://www.sifisheriescience.com/index.php/journal/article/view/105)	7(3), 127-129	2021
28	Catch composition and codend selectivity of inshore trawl fishery with the legal minimum mesh size	7	Không	Regional Studies in Marine Science ISSN: 2352-4855	SCIE (IF=1.624), SCOPUS (Q2)	4 (https://doi.org/10.1016/j.rsma.2021.10.197)	47, 10197-7	2021
29	Subsidies—Help or Hurt? A Study from Vietnamese Fisheries	4	Không	Marine Resource Economics ISSN: 23345985, 07381360	SCIE (IF=2.147), SCOPUS (Q1)	5 (https://doi.org/10.1086/715358)	36(4), 369-387	2021
30	So sánh hiệu quả sản xuất của đội tàu khai thác cá ngừ đại dương tại Khánh Hoà	3	Có	Kinh tế và Phát triển, ISSN: 1859-0012			283, 121-130	2021
31	Hiện trạng bảo quản và chất lượng cá ngừ đại dương của đội tàu câu tỉnh Khánh Hòa	3	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			1, 48-56	2021
32	Nghiên cứu đánh giá hoạt động của thiết bị giám sát tàu cá ở khu vực Miền Trung	3	Không	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			1, 63-70	2021

33	Đánh giá tác động của chương trình trợ cấp khai thác thủy sản theo Nghị định 67	3	Không	Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			291, 45-52	2021
34	Đánh giá sự tác động của nghề lưới rê 3 lớp đến nguồn lợi thủy sản tại khu bảo tồn Cù Lao Chàm, tỉnh Quảng Nam	2	Không	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			3, 86-94	2021
35	Đánh giá tác động của nghề lưới kéo đến nguồn lợi thủy sản ở vùng biển tỉnh Quảng Bình	1	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			4, 62-70	2021
36	Thực trạng nghề lồng dây tại Thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	3	Không	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			4, 81-89	2021
37	Evaluation of input efficiency for fishing vessel in coastal areas of Vietnam	2	Có	International conference on scientific research full texts book, volume - 3. ISBN: 978-625-7464-55-0			3, 150-166	2021
38	An effectiveness of artificial coral reefs in the restoration of marine living resources	3	Có	Regional Studies in Marine Science ISSN: 2352-4855	SCIE (IF=1.624), SCOPUS (Q2)	8 (https://doi.org/10.1016/j.rsma.2021.102143)	49, 102143	2022

39	A comparison of catch efficiency and bycatch reduction of tuna pole-and-line fisheries using Japan tuna hook (JT-hook) and circle-shaped hook (C-hook)	6	Không	Marine and Freshwater Research ISSN: 13231650	SCIE (IF=1.488), SCOPUS (Q2)	3 (https://doi.org/10.1071/MF21288)	73(5), 662-677	2022
40	Effects of jig location and soak time on catch rates of a novel fishing gear design of squid longline fisheries	2	Có	Regional Studies in Marine Science ISSN: 2352-4855	SCIE (IF=1.624), SCOPUS (Q2)	2 (https://doi.org/10.1016/j.rsma.2022.102312)	52, 10231-2	2022
41	Length-length, length-weight, and weight-weight relationships of yellowfin (Thunnus albacares) and bigeye (Thunnus obesus) tuna collected from the commercial handlines fisheries in the South China Sea	8	Không	Thalassas: An International Journal of Marine Sciences ISSN: 2366-1674, 0212-5919	SCIE (IF=0,62) SCOPUS (Q3)	2 (https://doi.org/10.1007/s41208-022-00433-5)	38, 911-917	2022
42	Nghiên cứu khả năng chọn lọc theo kích thước mắt lưới của nghề lưới rê đơn tại vùng biển ven bờ huyện Quảng Điền	1	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			1, 2-11	2022
43	Light-emitting diode (LED) fishing lamps reduce the fuel consumption and maintain the catch of stick held falling net fisheries	4	Có	Regional Studies in Marine Science ISSN: 2352-4855	SCIE (IF=1.624), SCOPUS (Q2)	1 https://doi.org/10.1016/j.rsma.2022.102542	55, 10254-2	2022

44	Evaluating the production efficiency of offshore purse seine fishing in Ca Mau province, Vietnam	3	Không	International congress: food, agriculture and veterinary sciences, proceedings book, volume-1. ISBN: 978-625-367-003-0			1, 714-736	2023
45	Experimental mixed-gillnets improve catches of narrow-barred Spanish mackerel (<i>Scomberomorus commerson</i>)	3	Có	Fishes ISSN: 24103888	SCIE (IF=3.170), SCOPUS (Q2)	https://doi.org/10.3390/fishes8040210	8 (210)	2023
46	Nghiên cứu sự chọn lọc theo kích thước của lưới rê đơn đánh bắt cá trích xương (<i>sardinella jussieu</i>) tại vùng biển ven bờ tỉnh Nghệ An	1	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252		https://doi.org/10.53818/jfst.01.2023.39	1, 38-47	2023
47	Impacts of the COVID-19 Pandemic on Vietnam's Marine Fisheries	4	Không	Asian Fisheries Science E-ISSN: 2073-3720	SCOPUS (IF=0.304) (Q3)	https://doi.org/10.33997/j.afs.2023.36.2.002	36 (2023) 68–78	2023
48	Khả năng chọn lọc của lưới rê với kích thước tối thiểu được phép sử dụng đánh bắt cá mè cờ hoa (<i>clupanodon thrissa</i>)	2	Có	Khoa học – Công nghệ Thủy sản ISSN: 1859-2252			1, 64-75	2023

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **04** bài, bao gồm các số thứ tự: [38], [40], [43], [45].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
3							
4							

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
3					
4					

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
3					
4					

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
1	Hội đồng xây dựng hồ sơ mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học Thủy sản	UV	Quyết định số 82/QĐ - ĐHNT ngày 01/02/2018	Quyết định số 323/QĐ - ĐHNT ngày 21/3/2019 V/v thành lập HĐ thẩm định	Quyết định số 1200/QĐ - ĐHNT ngày 11/11/2021, V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
2	Ban thư ký Hội đồng phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học	UV	Quyết định số 982/QĐ - ĐHNT ngày 21/8/2019		
3	Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ đại học (ngành Khai thác Thủy sản)	Chủ trì	Quyết định số 1373/QĐ - ĐHNT ngày 25/10/2019	Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Nha Trang	Quyết định số 1202/QĐ - ĐHNT ngày 11/11/2021, V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
4	Ban liên ngành đào tạo trình độ đại học (nhóm ngành Thủy sản)	UV	Quyết định số 1412/QĐ - ĐHNT ngày 04/11/2019		
5	Hội đồng cập nhật chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ	UV Thư ký	Quyết định số 1087/QĐ - ĐHNT	Tiểu ban Thủy sản (Hội đồng	Quyết định số 1350/QĐ - ĐHNT ngày

	ngành Quản lý Thủy sản		ngày 21/9/2020	Khoa học và Đào tạo Trường ĐHNT)	6/11/2020, V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý Thủy sản
6	Ban thư ký Hội đồng phát triển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ	UV	Quyết định số 13/QĐ - ĐHNT ngày 08/01/2021		
7	Ban liên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (nhóm ngành Thủy sản)	UV Thư ký	Quyết định số 115/QĐ - ĐHNT ngày 01/02/2021		
8	Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (ngành Quản lý Thủy sản và ngành Khai thác Thủy sản)	UV Thư ký	Quyết định số 116/QĐ - ĐHNT ngày 01/02/2021		
9	Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý Thủy sản	Phó chủ tịch	Quyết định số 569/QĐ - ĐHNT ngày 31/5/2021		
10	Ban hỗ trợ Hội đồng tư vấn xây dựng Chuẩn chương trình khối ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản	UV	Quyết định số 1210/QĐ - ĐHNT ngày 15/11/2021		
11	Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Khai thác Thủy sản	UV Thư ký	Quyết định số 319/QĐ - ĐHNT ngày 17/3/2022		

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

Không

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu: Đủ

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu: Đủ

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu: Đủ

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: Không

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: Không

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS: Không

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: ...

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: ...

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Trọng Lương